

# VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TRẢI NGHIỆM TRONG VĂN BẢN “TẦNG HAI” CỦA NHÀ VĂN PHONG ĐIỆP (NGỮ VĂN 11 - BỘ CÁNH DIỀU)

ĐOÀN TIẾN DŨNG  
Trường Trung học phổ thông Thực hành Cao Nguyên,  
Trường Đại học Tây Nguyên

Nhận bài ngày 02/10/2025. Sửa chữa xong 03/11/2025. Duyệt đăng 10/11/2025.

## Abstract

In recent years, creative experiential teaching has been integrated into various school subjects, including Literature, helping students gain deeper insights into society, culture, literature, and real-life contexts. Literature not only reflects reality but also nurtures emotions, shapes character, and guides behavior. As a prominent modern Vietnamese writer, Phong Diep contributes significantly to contemporary literature, and her text “The Second Floor” is included in the Grade 11 Literature textbook (Canh Dieu Series). Applying experiential teaching through this text offers a meaningful approach that supports innovative teaching practices and holistic student development. The article provides reference materials that contribute to improving Literature teaching quality and fostering essential skills for high school students.

**Keywords:** Experience, high school students, Phong Diep, teaching, text.

## 1. Đặt vấn đề

Đổi mới phương pháp dạy học đang là mục tiêu lớn của ngành Giáo dục nước ta hiện nay. Một trong những mục tiêu đó là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, ngoài việc trang bị kiến thức khoa học cho người học còn chú trọng vào trải nghiệm cho học sinh (HS). Những năm gần đây, hoạt động trải nghiệm cũng đã được tích hợp vào một số môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường, trong đó có môn Ngữ văn, giúp HS có được những hiểu biết về xã hội, văn hóa, văn học, lịch sử, đời sống xã hội. Trong số những gương mặt sáng giá của nền văn học Việt Nam hiện đại, Phong Điệp là một trong những nhà văn nữ tiêu biểu. Lần đầu tiên truyện ngắn *Tầng hai* được đưa vào giảng dạy trong sách giáo khoa Ngữ văn 11 (Bộ Cánh Diều). Xuất phát từ những thực tiễn dạy và học, bài báo mong muốn cung cấp thêm tư liệu, góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học Văn ở nhà trường phổ thông, hình thành và phát triển những kĩ năng cần thiết cho lứa tuổi HS trung học phổ thông. Từ đó, góp phần giáo dục nhân cách HS, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu xã hội.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

Dạy học trải nghiệm là một phương pháp dạy học hiện đại, trong đó HS được trực tiếp tham gia vào các hoạt động thực tiễn, học qua hành động và trải nghiệm cá nhân để tự phát hiện, chiếm lĩnh tri thức, hình thành kỹ năng, thái độ và giá trị sống. Phương pháp này lấy HS làm trung tâm, nhấn mạnh vai trò trải nghiệm, phản hồi, sáng tạo của người học thay cho việc tiếp thu thụ động. Thông qua quá trình trải nghiệm, HS không chỉ nắm được kiến thức mà còn biết vận dụng vào thực tế, phát triển năng lực tư duy, giao tiếp, hợp tác và sáng tạo. Đồng thời, bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, yêu cái đẹp và yêu cuộc sống. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Các phẩm chất và năng lực cốt lõi này được cụ thể hóa thành những yêu

Email: [dtdung@ttn.edu.vn](mailto:dtdung@ttn.edu.vn)

cầu cần đạt cho từng môn học và từng cấp học. Việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá được thực hiện một cách toàn diện và đồng bộ, giúp HS không chỉ nắm vững kiến thức phổ thông mà còn biết vận dụng hiệu quả những kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống. Bên cạnh đó, chương trình hướng tới việc hình thành năng lực tự học, khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, biết lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, xây dựng và duy trì các mối quan hệ xã hội hài hòa, đồng thời phát triển nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú. Với định hướng đó, việc tổ chức dạy học theo phương pháp trải nghiệm trở nên gần gũi, thiết thực hơn đối với cá nhân và cộng đồng. Mục tiêu của dạy học trải nghiệm phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm, giúp HS hiểu sâu, nhớ lâu và biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, văn bản truyện ngắn *Tầng hai* [7, tr. 34] được lựa chọn giảng dạy trong chương trình Ngữ văn lớp 11, bộ sách Cánh Diều. Dạy học trải nghiệm văn bản “Tầng hai” của nhà văn Phong Điệp là quá trình tổ chức cho HS được trực tiếp tham gia vào các hoạt động học tập sáng tạo nhằm hiểu sâu sắc nội dung, tư tưởng và giá trị nhân văn của tác phẩm. Qua đó, HS không chỉ cảm nhận được tâm trạng, suy nghĩ và khát vọng sống của nhân vật mà còn liên hệ, phản chiếu với chính bản thân và đời sống hiện thực. Mục tiêu của phương pháp này nhằm giúp HS hiểu được nội dung, nghệ thuật và thông điệp nhân văn của văn bản. Phát triển năng lực tự học, tư duy phản biện, sáng tạo và giao tiếp. Bồi dưỡng tình yêu cuộc sống, sự đồng cảm và trách nhiệm cá nhân. “Phương pháp trải nghiệm giúp người học phải sử dụng tổng hợp các giác quan, tăng khả năng lưu giữ những điều đã học được lâu hơn; có thể tối đa hóa khả năng sáng tạo, tính năng động và thích ứng của người học” [2, tr. 59].

## 2.2. Vận dụng phương pháp dạy học trải nghiệm cho học sinh qua văn bản “Tầng hai” của Phong Điệp

### 2.2.1. Phương pháp dạy học nêu vấn đề

Giáo viên (GV) có thể vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề. Mục tiêu của phương pháp này nhằm phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, cảm thụ, diễn đạt suy nghĩ, liên hệ bản thân và thực tiễn cho HS. Đồng thời, GV có thể giao HS khám phá văn bản theo câu hỏi mở thay vì đọc - chép - ghi nhớ truyền thống:

*Câu hỏi gợi mở 1:* “Vi sao nhân vật Phan sống cô đơn trên tầng hai?”

*Câu hỏi gợi mở 2:* “Căn phòng tầng hai tượng trưng cho điều gì trong xã hội hiện đại?”

*Câu hỏi gợi mở 3:* “Nếu em là bạn của nhân vật Phan, em sẽ làm gì?” Những câu hỏi gợi mở như vậy sẽ có tác dụng khuyến khích HS trình bày quan điểm cá nhân, không áp đặt một cách hiểu duy nhất. Ngoài ra, GV còn có thể sử dụng phương pháp tổ chức hoạt động nhóm theo các chủ đề:

*Chủ đề 1:* Phân tích nhân vật, thảo luận chủ đề con người cô đơn trong xã hội hiện đại.

*Chủ đề 2:* “So sánh cách sống của Phan với cuộc sống của gia đình ở tầng hai: đâu là khác biệt lớn nhất? Những khác biệt đó gợi lên thông điệp gì về “hạnh phúc” và “gia đình”?”

Ngoài các phương pháp trên, GV sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực theo bảng sau:

*Bảng 1: Các kỹ thuật ứng dụng khi dạy văn bản Tầng hai*

STT	Kỹ thuật	Ứng dụng trong văn bản Tầng hai
1	Mảnh ghép	Mỗi nhóm tìm hiểu 1 khía cạnh: tâm lý nhân vật, hình ảnh tầng hai, chủ đề truyện, nghệ thuật... sau đó ghép lại để có cái nhìn toàn diện.
2	Khăn trải bàn	Các nhóm viết suy nghĩ, sau đó chia sẻ nhóm, thống nhất và trình bày.
3	Hỏi - đáp cặp đôi	Trong văn bản, Phan từng đặt mục tiêu “phải giàu, thật giàu”, nhưng rồi cô có khoảnh khắc nhận thức khác theo bạn, điều gì đã khiến cô thay đổi?
4	Bản đồ tư duy	Vẽ sơ đồ thể hiện sự chuyển biến tâm lý nhân vật.

### 2.2.2. Phương pháp dạy học tích hợp công nghệ thông tin

Để tích hợp công nghệ thông tin trong dạy học văn bản này, theo các bước của tiết học, trước khi lên lớp, GV cần chuẩn bị PowerPoint trình bày ngắn gọn bố cục, nội dung, hình ảnh minh họa nhân vật, bối cảnh, các câu hỏi thảo luận. Tạo video ngắn hoặc clip minh họa không gian “Tầng hai”. Thiết kế câu hỏi khởi động bằng AI: Quizizz, Kahoot, hoặc Wordwall sử dụng để kiểm tra kiến thức nền hoặc dẫn dắt

vào chủ đề cô đơn trong đô thị hiện đại. Phần Khởi động bài học, GV có thể chiếu một hình ảnh hoặc video ngắn mô tả cảnh một phụ nữ sống một mình trong thành phố, ban đêm, ánh đèn đường, tiếng còi xe,... Từ đó, GV gợi dẫn, em có thấy người phụ nữ trong video này giống nhân vật nào? Em nghĩ cô ấy đang cảm thấy gì? Tạo bảng Padlet/Jamboard cho HS nhập nhanh từ khóa về sự cô đơn.

Hình 1: Tổ chức trò chơi BeeRace khi dạy văn bản “Tầng hai”



Hoạt động nhóm, thảo luận bằng cách ứng dụng công nghệ: Tạo phòng thảo luận nhóm trực tuyến (Google Meet, Zoom breakout rooms nếu học online hoặc dùng Zalo nhóm lớp để phản hồi). Dùng Mentimeter hoặc Slido để thu thập nhanh các quan điểm cá nhân (ẩn danh hoặc công khai). HS thuyết trình qua PowerPoint hoặc Canva, có thể thu âm bài thuyết trình rồi chiếu cho cả lớp nghe.

Hình 2: HS thuyết trình qua phần mềm Canva



### 2.2.3. Phương pháp đọc mở rộng suy luận

Trong quá trình dạy, GV có thể giúp HS đọc mở rộng suy luận, liên hệ với đời sống thực tế với chủ đề cảm thức cô đơn trong văn học hiện đại. Sau đó, tiến hành cho HS thảo luận với chủ đề như: Trong thời đại công nghệ số, con người có thực sự gắn kết hơn không? Tại sao nhiều người vẫn cảm thấy cô đơn giữa thành phố đông đúc? Từ đó GV mở rộng: HS chia sẻ trải nghiệm cá nhân hoặc quan sát về những “Phan ngoài đời thực” những người phụ nữ sống độc thân, ít giao tiếp hoặc bị lãng quên giữa xã hội đến những vấn đề xã hội như: Sự đứt gãy kết nối giữa người với người. Và gợi mở, dù có điện thoại, mạng xã hội, nhiều người vẫn bị cô lập về mặt cảm xúc. Tại sao lại như vậy? Từ đó đưa ra chủ đề so sánh hiện tượng: “Sống ảo - cô đơn thật” của giới trẻ hiện nay. Bên cạnh đó, GV có thể liên hệ với các tác phẩm văn học khác như: So sánh với truyện ngắn *Một người Hà Nội* của Nguyễn Khải. Cùng khai thác đề tài đô thị và con người thành thị nhưng cách thể hiện khác nhau: *Tầng hai* thể hiện mặt âm u, cô đơn, trống rỗng. Còn *Một người Hà Nội* (Nguyễn Khải) tôn vinh vẻ đẹp bản sắc, khí chất con người thủ đô.

### 2.2.4. Phương pháp dạy học tổ chức hoạt động nhóm, thảo luận, sân khấu hóa

Giáo viên có thể tổ chức hoạt động nhóm: Phân tích nhân vật và chủ đề. Mục tiêu: Hiểu rõ tâm lý, hành vi của nhân vật Phan. Nhận diện chủ đề cô đơn - khao khát kết nối trong xã hội hiện đại. Cách tổ chức: Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận một khía cạnh:

Bảng 2: Tổ chức hoạt động nhóm, thảo luận, sân khấu hóa

Nhóm	Nội dung thảo luận
1	Tâm lý và hành động của nhân vật Phan qua các chi tiết miêu tả.
2	Không gian “tầng hai” có ý nghĩa gì? Vì sao tác giả chọn không gian này?
3	Biểu hiện của sự cô đơn trong truyện. Hệ quả của nó với nhân vật và xã hội.
4	Thông điệp cuộc sống mà truyện muốn gửi gắm.

Bên cạnh đó, GV còn có thể sử dụng phương pháp thảo luận chủ đề tranh luận:

- “Nhân vật Phan là điển hình của xã hội hiện đại hay là người tự tách mình ra khỏi cuộc sống?”
- “Sự cô đơn của nhân vật Phan có giống với những người trẻ ngày nay?”
- “Mỗi người đều cần một “cánh cửa tầng hai” để trốn chạy, đúng hay sai?”

HS làm việc theo cặp hoặc nhóm nhỏ (2-3 em), chuẩn bị lập luận phản biện. Tổ chức theo hình thức “hội nghị mini” hoặc “tọa đàm văn học”. GV điều phối, ghi lại các ý kiến chính, kết luận bằng một thông điệp nhân văn sâu sắc.

Ngoài hai phương pháp trên, hình thức sân khấu hóa tác phẩm GV cũng có thể sử dụng. Mục tiêu của phương pháp này để hiểu tâm lý nhân vật qua hành động, lời thoại. Khởi dậy sự đồng cảm, sáng tạo của HS. Các tình huống sân khấu hóa: + Tình huống 1: Nhân vật Phan ngồi một mình trên tầng hai, nhìn xuống đường phố đông đúc, hồi tưởng cuộc sống trước kia. Có thể thêm giọng đọc lời dẫn (giống như độc thoại nội tâm). HS diễn xuất gương mặt, cử chỉ, ánh mắt... thể hiện sự cô đơn, mệt mỏi; + Tình huống 2: HS tái hiện lại cảnh gia đình ở trên tầng hai “đón thành viên mới” và nhân vật chính càng cảm nhận rõ hơn về cái gọi là “hạnh phúc đơn giản”. Tình huống này khiến nhân vật chính nhận ra: sự thèm khát/ mong đợi hạnh phúc ở đâu xa trong khi có thể ngay bên cạnh mình.

Việc dạy học văn bản “Tầng hai” của Phong Điệp có thể trở nên sinh động, hiệu quả hơn nếu GV biết vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học hiện đại. Từ việc đổi mới cách tiếp cận theo hướng phát triển năng lực, tích hợp công nghệ thông tin, đọc mở rộng suy luận đến tổ chức hoạt động nhóm, sân khấu hóa và phản biện. Tất cả đều nhằm mục tiêu phát huy vai trò chủ thể của HS, khơi gợi sự đồng cảm, tư duy phản biện và kết nối văn học với đời sống. Những biện pháp này không chỉ giúp HS hiểu sâu sắc tác phẩm mà còn góp phần hình thành những giá trị sống nhân văn trong bối cảnh xã hội hiện đại đầy biến động và xa cách.

### 2.3. Thực nghiệm sư phạm

Chọn đối tượng thực nghiệm: Chúng tôi chọn 01 lớp thực nghiệm (TN) và 01 lớp đối chứng (ĐC) Trường THPT Thực hành Cao Nguyên (Đắk Lắk). Nhằm đảm bảo khách quan trong việc đánh giá tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm ở lớp có học chuyên đề. Để chuẩn bị cho quá trình TN được tiến hành có hiệu quả, trước TN 01 tháng, chúng tôi đã gặp gỡ, phổ biến chung, hướng dẫn và trao đổi một số vấn đề liên quan đến nội dung thực nghiệm với các HS ở lớp TN và ĐC. Đồng thời, chúng tôi phát các tài liệu có liên quan đến phần TN (nội dung các biện pháp được xây dựng cho HS thực nghiệm, HS nghiên cứu, tìm hiểu kỹ yêu cầu, nội dung và cách thức dạy các bài TN. Lớp TN do GV trực tiếp giảng dạy theo các biện pháp được đề xuất trong đề tài, còn lớp ĐC vẫn học bình thường. Sau thời gian TN, chúng tôi cho HS các lớp TN và lớp ĐC làm bài kiểm tra giữa kỳ với đề bài như nhau.

Thời gian: 02 tiết dạy truyện ngắn “Tầng hai” theo phân phối chương trình học kì 2 năm học 2024-2025. Tiến hành dạy giữa lớp ĐC học theo phương pháp truyền thống và lớp TN học theo biện pháp đổi mới (thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy, phân tích nhân vật qua tình huống, liên hệ thực tiễn, sáng tạo đoạn kết văn bản,...).

Hình thức đánh giá: Bài Đánh giá giữa kỳ nghị luận văn học; Phiếu khảo sát HS; Quan sát và đánh giá hoạt động học tập trên lớp.

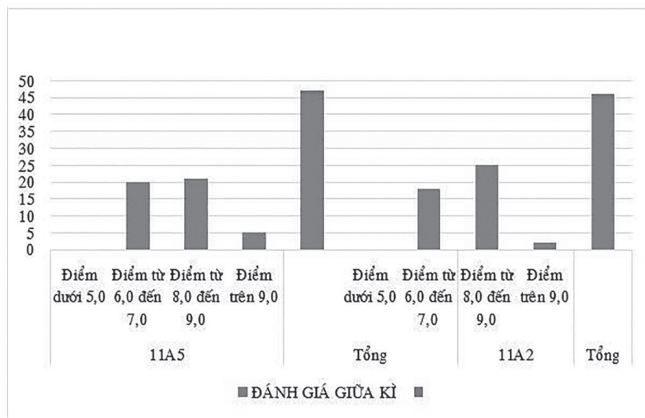
Tiêu chí đánh giá: Kiến thức (nội dung, nghệ thuật tác phẩm); Kỹ năng (phân tích, liên hệ, trình bày nói và nghe); Thái độ (hứng thú, chủ động học). So sánh về điểm số bài kiểm tra, đánh giá (đánh giá giữa kỳ):

Bảng 4: So sánh phổ điểm lớp thực nghiệm và lớp đối chứng

Lớp	Phổ điểm	Đánh giá giữa kì	
11A5	Điểm dưới 5,0	00	00%
	Điểm từ 6,0 đến 7,0	20	43,4%
	Điểm từ 8,0 đến 9,0	21	45,6%
	Điểm trên 9,0	05	10,86%
<b>Tổng</b>		<b>46</b>	<b>100%</b>
11A2	Điểm dưới 5,0	00	00%
	Điểm từ 6,0 đến 7,0	18	40,0%
	Điểm từ 8,0 đến 9,0	25	55,6%
	Điểm trên 9,0	02	4,40%
<b>Tổng</b>		<b>45</b>	<b>100%</b>

**Nhận xét:** Lớp 11A5 tổng số HS: 46. Không có HS dưới trung bình (dưới 5,0) cho thấy mặt bằng học lực vững, tất cả HS đều đạt yêu cầu. Tỷ lệ điểm khá (6,0-7,0): 43,4% Tỷ lệ điểm giỏi (8,0-9,0): 45,6% chiếm tỷ lệ cao nhất, cho thấy đa số HS nắm chắc kiến thức và làm bài tốt. Tỷ lệ điểm xuất sắc (trên 9,0): 10,86% có một nhóm nhỏ HS nổi bật, đạt kết quả rất cao. Lớp 11A5 có chất lượng học tập đồng đều, ổn định, không có HS yếu; tỷ lệ HS khá giỏi chiếm gần 90%. Có thể tiếp tục bồi dưỡng nhóm HS đạt điểm cao để nâng tỷ lệ xuất sắc, đồng thời khuyến khích nhóm khá (6-7 điểm) nâng lên mức giỏi. Lớp 11A2, tổng số HS: 45 Không có HS dưới 5,0 lớp học có nền tảng khá tốt, không có HS yếu. Tỷ lệ điểm khá (6,0-7,0): 40%. Tỷ lệ điểm giỏi (8,0-9,0): 55,6%. Tỷ lệ điểm trên 9,0: 4,4% số HS xuất sắc còn ít. Lớp 11A2 có mặt bằng học lực khá giỏi là chủ yếu, tuy nhiên số HS đạt điểm xuất sắc còn hạn chế. Cần tăng cường rèn luyện kỹ năng làm bài, củng cố kiến thức nâng cao để phát triển thêm nhóm HS giỏi và xuất sắc. So sánh tổng thể giữa hai lớp cả hai lớp đều duy trì kết quả học tập tốt, không có HS yếu kém. 11A5 nổi bật hơn ở nhóm điểm cao (trên 9,0), 11A2 có nền học lực khá giỏi đồng đều. Cần tiếp tục phát huy tinh thần học tập nghiêm túc, đổi mới phương pháp rèn luyện năng lực vận dụng kiến thức, và bồi dưỡng nhóm HS có tiềm năng đạt điểm cao hơn.

Biểu đồ 1: So sánh phổ điểm Đánh giá giữa kỳ



(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, tháng 3/2025)

## 2.4. Hiệu quả phương pháp dạy học trải nghiệm

### 2.4.1. Tăng cường kỹ năng tự nhận thức

Về nhận thức, HS hiểu sâu hơn nội dung tác phẩm, không chỉ qua văn bản mà qua trải nghiệm cá nhân. Biết liên hệ giữa “tầng hai” trong truyện với đời sống thực tế như tầng ký ức, tầng cảm xúc trong mỗi con người. Về kỹ năng, HS được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trình bày, làm việc nhóm, sáng tạo và tư duy phản biện. Tăng khả năng đọc hiểu chủ động, thay vì thụ động ghi nhớ nội dung. Thông qua tác phẩm, HS có thể trải nghiệm nhìn lại cuộc sống chính mình, so sánh với cảnh sống của gia đình chủ trọ và nhận ra điều mình thiếu.

### 2.4.2. Giúp học sinh biết trân trọng, biết ơn

Qua tiết học văn bản, giúp HS có lòng trân trọng mái ấm, ký ức, con người xung quanh. HS trở nên gần bó hơn với văn học, xem văn học là một phần đời sống, không xa rời thực tế. Nhân vật nhận ra “hạnh phúc giản dị hơn những gì cô tâm niệm”. Yêu cầu mỗi HS viết thư cảm ơn (người trong đời mình) hoặc “Việc nhỏ mình chưa trân trọng”. Trước khi thay đổi: nhân vật “tôi” sống hời hợt, xa cách. Nhân

vật chính là một người thành thị hiện đại, sống cô độc trong căn phòng trọ. Cô mải mê công việc, coi thường những điều nhỏ bé của đời sống gia đình, không quan tâm đến ai xung quanh. Cuộc sống của “tôi” được mô tả như “một tầng riêng biệt” lạnh lẽo, không gắn kết. Đây là trạng thái chưa biết trân trọng, chỉ sống cho mình, chưa biết giá trị của yêu thương và sẻ chia. Qua bối cảnh sống trọ, nhân vật chính phải đối mặt với khoảng cách giữa việc mưu sinh, việc riêng tư và các mối quan hệ gia đình.

#### 2.4.3. Giúp học sinh khả năng chiêm nghiệm từ trải nghiệm

Học sinh có hứng thú học tập, giảm tính khô khan của giờ học Ngữ văn. Giúp giáo viên đánh giá năng lực toàn diện của HS (thông qua sản phẩm trải nghiệm, bài viết, thuyết trình...). Việc áp dụng phương pháp dạy học trải nghiệm trong dạy học văn bản “Tầng hai” của Phong Điệp không chỉ làm mới tiết học Ngữ văn, mà còn giúp HS sống trong tác phẩm, học bằng trải nghiệm thật, và phát triển nhân cách, cảm xúc thẩm mỹ một cách tự nhiên. Hiệu quả đạt được thể hiện rõ qua mức độ hứng thú, khả năng sáng tạo, và chiều sâu cảm xúc mà HS bộc lộ sau bài học. Truyện không chỉ kể sự kiện lớn mà là những chi tiết nhỏ, tâm trạng giúp người đọc ngẫm. Truyện “Tầng hai” không chỉ là một câu chuyện về cuộc sống trọ, tầng lớp hay nơi ở mà còn là một tấm gương phản chiếu giúp chúng ta chiêm nghiệm lại bản thân, nhìn vào cách mình sống, cách mình đối xử với người khác và tìm thấy hạnh phúc trong những điều giản dị. “*Học trải nghiệm là quá trình học hình thành kinh nghiệm. Trong học trải nghiệm có sự hình thành và chuyển hóa tri thức từ cảm tính và lí luận trừu tượng thành tri thức kinh nghiệm của mỗi cá nhân và ngược lại*” [4, tr. 13].

### 3. Kết luận

Như vậy, vận dụng phương pháp dạy học trải nghiệm trong giảng dạy văn bản “Tầng hai” của nhà văn Phong Điệp đã chứng minh được tính khả thi và hiệu quả rõ rệt trong thực tiễn dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Đây không chỉ là hướng tiếp cận phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 mà còn đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực toàn diện và phẩm chất nhân văn cho HS trong bối cảnh hiện nay. Kết quả thực nghiệm cho thấy, HS ở lớp thực nghiệm có mức độ hứng thú, chủ động và sáng tạo cao hơn rõ rệt so với lớp đối chứng. Các em không còn tiếp cận văn bản một cách thụ động mà đã tích cực tham gia, khám phá, liên hệ và chiêm nghiệm những giá trị của tác phẩm vào chính đời sống cá nhân. Thông qua các hoạt động như thảo luận nhóm, sân khấu hóa, viết sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, HS được rèn luyện nhiều kỹ năng thiết yếu: kỹ năng giao tiếp, hợp tác, phản biện, tự học và thể hiện cảm xúc thẩm mỹ. Đặc biệt, qua quá trình học tập trải nghiệm, HS không chỉ hiểu sâu hơn về nội dung, nghệ thuật và thông điệp nhân văn của truyện ngắn “Tầng hai” mà còn biết trân trọng những giá trị giản dị của cuộc sống, biết yêu thương, sẻ chia và biết ơn. Bài học từ nhân vật Phan - người phụ nữ cô đơn giữa đô thị hiện đại đã trở thành tấm gương phản chiếu để HS nhìn lại chính mình, nhận ra giá trị của hạnh phúc chân thật và sự kết nối con người trong xã hội đương đại. Như vậy, phương pháp dạy học trải nghiệm không chỉ làm mới tiết học Ngữ văn, mà còn đưa văn học đến gần hơn với đời sống, giúp HS “học bằng trải nghiệm – sống trong tác phẩm – trưởng thành từ bài học”. Đây là hướng đi cần được mở rộng và phát huy trong quá trình đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn hiện nay, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, nhân văn và sáng tạo mà ngành Giáo dục đang hướng tới.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Thị Thu Chung (2018). *Dạy học thông qua trải nghiệm*. Nguồn: <https://giaoducthoidai.vn/trao-doi/day-hoc-thong-qua-trai-nghiem-3764849.html>, ngày 9/11/2018.
- [2] Phạm Minh Dương, Phạm Thị Trúc Mai (2022). *Vận dụng phương pháp dạy học trải nghiệm trong đào tạo theo hướng phát triển năng lực tại Trường Đại học Trà Vinh*. Tạp chí Giáo dục, số 22(5), tr. 59-64.
- [3] Phong Điệp (2008). *Ké dự phần*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [4] Phan Trọng Ngọ, Lê Minh Nguyệt (2017). *Kinh nghiệm và học trải nghiệm trong dạy học*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 146, tr. 8-13.
- [5] Nguyễn Thị Hồng Nam (chủ biên), Trịnh Thị Hương, Trần Minh Hoàng (2019). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh lớp 10 môn Ngữ văn*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [6] Trương Thanh Tòng (2023). *Mô hình dạy học Ngữ văn qua hoạt động trải nghiệm để phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông*. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội, số 68, tr. 54-62.
- [7] Lê Nhâm Thìn và các cộng sự (2022), *Ngữ văn 11* (tập 1 và 2). NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [8] Trần Đăng Suyền (2022). *Những tượng đài và hiện tượng văn chương Việt Nam hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.